

Biểu mẫu 1
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ
Đơn vị: XÃ SƠN TÂY HẠ
Nguồn vốn: Ngân sách địa phương
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /8/2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025			Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Nhu cầu năm 2026			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16				17
B	TỔNG CỘNG: Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho NS xã							365.500	-	365.500	-	-	-	365.500	-	365.500				
I	Danh mục dự án chuyển tiếp từ trung hạn trước chuyển sang																			
II	Danh mục dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							365.500	-	365.500	-	-	-	365.500	-	365.500	25.200	-	25.200	
01	Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Tây Hạ			xã Sơn Tây Hạ	13.614	2026		5.000		5.000				5.000		5.000	5.000		5.000	
02	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030			nt		2026		1.000		1.000				1.000		1.000	1.000		1.000	
03	Thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm			nt		2026		1.000		1.000				1.000		1.000	1.000		1.000	
04	Quy hoạch chi tiết 1/500 trung tâm xã			nt		2026- 2027		2.000		2.000				2.000		2.000	400		400	
05	Nâng cấp khu di tích lịch sử 89			nt		2026- 2030		1.500		1.500				1.500		1.500	300		300	
06	Trụ sở làm việc UBND xã Sơn Tây Hạ		C	nt	Nhà làm việc, hội trường, tường rào, cổng ngõ và các hạng mục khác	2026- 2030		90.000		90.000				90.000		90.000	5.000		5.000	
07	Nâng cấp tuyến đường Sơn Tinh - Sơn Lập - Ngã 3 Ngọc Tem (ĐH83) giai đoạn II		C	nt	10km	2026- 2030		50.000		50.000				50.000		50.000	5.000		5.000	
08	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 83B (đoạn từ ngã ba nhà ông Đông - nhà ông Đình Văn Mìn)		C	nt	6km	2026- 2030		45.000		45.000				45.000		45.000	5.000		5.000	
09	Cầu đội 10 qua đội 8 và đường vào hai đầu cầu, thôn Bà He		C	nt	Cầu BTCT vĩnh cửu	2026- 2030		25.000		25.000				25.000		25.000	500		500	
10	Cầu từ đội 2 qua đội 3 và đường vào hai đầu cầu, thôn Nước Kìa		C	nt	Cầu BTCT vĩnh cửu	2026- 2030		30.000		30.000				30.000		30.000	500		500	
11	Nâng cấp, mở rộng Trường TH&THCS Sơn Tinh và các hạng mục khác		C	nt	Phòng học, phòng bộ môn, khối hiệu bộ và các hạng mục khác	2026- 2030		70.000		70.000				70.000		70.000	500		500	
12	Nhà thi đấu đa năng xã Sơn Tây Hạ		C	nt		2026- 2030		25.000		25.000				25.000		25.000	500		500	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025			Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Nhu cầu năm 2026			Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
									NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
13	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trung tâm xã		C	nt		2026- 2030		20.000		20.000				20.000		20.000	500		500	

Lưu ý: Các danh mục đề nghị tinh hỗ trợ vốn để thực hiện là những dự án lớn, trọng điểm có tính lan tỏa, tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương mình, đảm bảo an sinh xã hội. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư trên địa bàn của từng địa phương (không sắp xếp thứ tự ưu tiên theo ngành, lĩnh vực)

Biểu mẫu 2

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGUYỄN BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /8/2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025			Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		
							Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
									NST W	NS tính		NSTW	NS tính		NSTW	NS tính
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Danh mục dự án chuyển tiếp từ trung hạn trước chuyển sang															
II	Danh mục dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030													90.000	83.000	7.000
II.1	Giao Thông													70.000	65.000	5.000
01	Nâng cấp tuyến đường Sơn Tinh - Sơn Lập - Ngã ba Ngọc Tem (ĐH83)			Xã Sơn Tây Hạ	15km	2026								70.000	65.000	5.000
II.2	Giáo dục													20.000	18.000	2.000
04	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Lập. Hạng mục: Xây dựng mới khối phòng học, phòng hiệu bộ, phòng bộ môn và các hạng mục khác			Xã Sơn Tây Hạ	Khối phòng học, phòng hiệu bộ,	2028								20.000	18.000	2.000
	TỔNG CỘNG													90.000	83.000	7.000

Lưu ý: Các danh mục đề nghị tỉnh hỗ trợ vốn để thực hiện là những dự án lớn, trọng điểm có tính lan tỏa, tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương đảm bảo an sinh xã hội. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư trên địa bàn của từng địa phương (không sắp xếp thứ tự ưu tiên theo ngành, lĩnh vực)

GHÈO

ng

Ghi chú
17

ơng mình,

Biểu mẫu 3

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /8/2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		
								NSTW	NS tính	
1	2	3		4	5	6	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG						178.703	160.358	18.345	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						9.800	8.820	980	
	Nội dung: Công trình nước sinh hoạt tập trung						9.800	8.820	980	
01	Nâng cấp NSH xóm ông Diêm			xã Sơn Tây Hạ	12hộ	2026	800	720	80	
02	Nâng cấp NSH xóm ông Tú			nt	29 hộ	2027	1.200	1.080	120	
03	Nâng cấp NSH xóm ông Miên			nt	15 hộ	2028	1.000	900	100	
04	Nâng cấp NSH xóm ông Ngút			nt	35 hộ	2028	1.400	1.260	140	
05	Nâng cấp NSH xóm ông Ngậy			nt	21 hộ	2029	1.500	1.350	150	
06	Nâng cấp NSH xóm ông Tân			nt	33 hộ	2029	1.400	1.260	140	
07	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm xã			nt	155 hộ	2030	2.500	2.250	250	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						115.000	103.500	11.500	
01	Khu tái định cư tập trung Nước Lãng, thôn Nước Kìa			xã Sơn Tây Hạ	45 hộ	2026	30.000	27.000	3.000	
02	Điểm định canh, định cư xóm ông Ghành		C	xã Sơn Tây Hạ	4,6 ha	2026-2030	40.000	36.000	4.000	
03	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư (tái định canh, định cư tập trung) khu dân cư số 7, thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ		C	xã Sơn Tây Hạ	47 hộ	2026-2030	45.000	40.500	4.500	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						33.703	29.695	4.008	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		
								NSTW	NS tỉnh	
1	2	3		4	5	6	14	15	16	17
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN						33.703	29.695	4.008	
01	Xây dựng đường lên thác Lụa, thôn Bà He		C	xã Sơn Tây Hạ	1500m	2026	5.003	4.350	653	
02	Đường điện 0,4Kv xóm ông Xoa, thôn Xà Ruông		C	nt	22 hộ	2026	3.000	2.700	300	
03	Xây dựng bờ kè chống sạt lở trụ sở làm việc UBND xã giai đoạn 2		C	nt	Khoảng 60m	2026	2.500	2.250	250	
04	Nâng cấp Đập Ka Năng I		C	nt	10.35 ha	2026	2.500	2.250	250	
05	Nâng cấp Đập Ka Rơn		C	nt	1.96 ha	2027	900	810	90	
06	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải		C	nt	Khoảng 100m2	2027	1.000	900	100	
07	Xây dựng vườn Thuốc Nam		C	nt	Khoảng 100m2	2028	800	720	80	
08	Nâng cấp Đập Xà Ruông		C	nt	43.58 ha	2030	3.500	3.150	350	
09	Đường BTXM vào khu sản xuất đập nước Beo, thôn Mang Rễ		C	Thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ	L= 1.000 m	2026	1.400	1.190	210	
10	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng 21 ha, thôn Tà Ngàm		C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2026	1.900	1.615	285	
11	Đường BTXM từ nhà ông Đinh Kròa đến nhà ông Đinh Văn Đập, thôn Tà Ngàm		C	Thôn Tà Ngàm	L=200 m	2026	1.100	935	165	
12	Nâng cấp Đài truyền thanh xã		C	xã Sơn Tây Hạ		2027	900	765	135	
13	Nâng cấp đập Nước Bu		C	Thôn Mang Trầy	Tưới 5 ha	2029	1.100	935	165	
14	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Mang Trầy		C	Thôn Mang Trầy	L= 1.000 m	2028	1.400	1.190	210	
15	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng nước La		C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2028	1.900	1.615	285	
16	Kè chống sạt lở khu dân cư A Máy		C	xã Sơn Tây Hạ	120m	2026	3.000	2.700	300	
17	Trạm giao liên quân bưu số 8 (Trạm Chín Cô) xã Sơn Mầu (cũ)		C	nt	0,1 ha	2029	700	630	70	

[illegible]

Biểu mẫu 4

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /8/2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh	
1	2	3	4	5	6	14	15	16	17
	TOÀN XÃ SƠN TÂY HẠ					83.550	75.557	7.993	
I	xã Sơn Lập (cũ)					20.000	18.000	2.000	
1	Xây dựng mới Đập Tà Ngàm 2	C	Thôn Tà Ngàm	Tưới 5 ha	2026	1.100	990	110	
2	Nâng cấp đập suối nước Trầy	C	Thôn Tà Ngàm	Tưới 8 ha	2029	800	720	80	
3	Nâng cấp đập Mang Trầy	C	Thôn Mang Trầy	Tưới 4,5 ha	2028	1.000	900	100	
4	Nâng cấp hệ thống điện sinh hoạt thôn Tà Ngàm	C	Thôn Tà Ngàm	30 hộ	2026	1.100	990	110	
5	Hệ thống thoát nước Khu dân cư Bà Nót, thôn Mang Trầy	C	Thôn Mang Trầy	L=700 m	2026	1.000	900	100	
6	xây dựng Nhà thi đấu đa năng	C	Thôn Mang Trầy	1.000 m2	2028	5.000	4.500	500	
7	Xây dựng bãi tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt	C	Thôn Mang Trầy	3 ha	2028	7.000	6.300	700	
8	Mở rộng Trường PTDTBT TH&THCS xã Sơn Lập	C	Thôn Mang Trầy	0.2 ha	2026	2.000	1.800	200	
9	Mở rộng Trường mầm non Nước Hoa (Điểm trường MN 12B)	C	Thôn Mang Rễ	0.1 ha	2026	1.000	900	100	
II	xã Sơn Màu (cũ)					23.785	21.407	2.378	
1	Nâng cấp, sửa chữa Đập thủy lợi Tà Win	C	thôn Hà Lên, thôn Tà Vinh	10ha	2026	1.100	990	110	
2	Nước sinh hoạt khu dân cư Tang Cốt	C	thôn Hà Lên	50 (m3/ngày.đêm)	2026	1.100	990	110	
3	Đường điện năng lượng thôn Đăk Pao	C	Thôn Đăk Pao	2 km	2029	400	360	40	
4	Nước sinh hoạt Làng Ôi, thôn Tà Vinh	C	thôn Tà Vinh	50 (m3/ngày.đêm)	2026	1.100	990	110	
5	Đường điện năng lượng thôn Hà Lên	C	thôn Tà Hà Lên	1,5km	2029	300	270	30	
6	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sơn Màu (cũ)	C	thôn Tà Vinh, thôn Hà Lên	70 (m3/ngày.đêm)	2027	3.000	2.700	300	
7	Nước sinh hoạt xóm ông Buông	C	Thôn Đăk Pao	40 (m3/ngày.đêm)	2027	800	720	80	
8	Mương cống hộp đường ĐH83 (đoạn qua trung tâm xã Sơn Màu cũ)	C	Thôn Hà Lên, thôn Tà Vinh	1km	2026	2.000	1.800,0	200,0	
9	Nâng cấp kênh mương A Ghè	C	Thôn Đăk Pao	5 ha tưới	2027	1.100	990,0	110,0	
10	Bê tông hóa nối tiếp đường A Ghè đi A Panh	C	Thôn Đăk Panh	0,3km	2026	1.085	977,0	108,0	
11	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu dân cư I Nam	C	Thôn Tà Vinh	1km	2028	1.100	990,0	110,0	
12	Đường BTXM từ đường vào xóm ông Một đi cánh đồng Tà Vây	C	Thôn Hà Lên	0,7km	2028	1.100	990,0	110,0	
13	Nhà thi đấu đa năng	C	Thôn Hà Lên	0.5ha	2028	1.100	990,0	110,0	

TT	TÊN DỰ ÁN	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh	
14	Sân thể thao thôn Đăk Pao	C	Thôn Đăk Pao	0,5 ha	2028	1.100	990,0	110,0	
15	Sân thể thao thôn Đăk Panh	C	Thôn Đăk Panh	0,5 ha	2029	1.100	990,0	110,0	
16	Nghĩa địa thôn Hà Lên	C	Thôn Hà Lên	1 ha	2029	1.100	990,0	110,0	
17	Đường điện năng lượng thôn Đăk Panh	C	Thôn Đăk Panh	3 km	2028	600	540,0	60,0	
18	Đường điện năng lượng thôn Tà Vinh	C	Thôn Tà Vinh	3km	2027	600	540,0	60,0	
19	Đường điện 0,4KV khu dân cư Tang Cốt	C	xã Sơn Màu	1km	2030	1.000	900,0	100,0	
20	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải Trạm y tế	C	Thôn Hà Lên	200m2	2026	1.000	900,0	100,0	
21	Nâng cấp, mở rộng điểm trường mầm non Đăk Panh	C	Thôn Đăk Panh	0,5 ha	2027	1.000	900,0	100,0	
22	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sơn Màu - Điểm trường thôn Đăk Panh	C	Thôn Đăk Panh	0,5ha	2027	1.000	900,0	100,0	
III	xã Sơn Tinh (cũ)					39.765	36.150	3.615	
2	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Sơn Tây Hạ	C	thôn Xà ruông	1.8 ha	2026	2.420	2.200	220	
3	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Ka Năng	C	thôn Ka Năng	Khoảng 537m2	2026	110	100	10	
4	Nâng cấp Đập Ka Năng II	C	thôn Ka Năng	18.63 ha	2026	3.080	2.800	280	
5	Nâng cấp và mở rộng nhà công vụ cho đội ngũ cán bộ y tế xã	C	thôn Xà Ruông	03 phòng	2027	1.760	1.600	160	
6	Xây dựng Nhà công vụ cho cán bộ, công chức xã	C	thôn Xà Ruông	04 phòng	2027	2.860	2.600	260	
7	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Ra Tân	C	thôn Ra Tân	Khoảng 600m2	2027	1.100	1.000	100	
8	Nâng cấp Đập Nước Ra	C	thôn Ra Tân	15.71 ha	2027	1.320	1.200	120	
9	Xây dựng Nhà công vụ cho giáo viên	C	thôn Xà ruông	5 phòng	2028	2.750	2.500	250	
10	Nâng cấp Nhà văn hóa xã Sơn Tây Hạ	C	thôn Xà ruông	Khoảng 263m2	2028	1.320	1.200	120	
11	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Nước Kia (Thôn Tà Kin cũ)	C	thôn Nước Kia	Khoảng 343m2	2028	1.100	1.000	100	
12	Xây dựng phòng đa chức năng	C	thôn Xà Ruông	01 phòng	2028	1.760	1.600	160	
13	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Xà Ruông	C	thôn Xà Ruông	Khoảng 393m2	2029	1.100	1.000	100	
14	Nâng cấp NSH xóm ông Đường	C	thôn Xà Ruông	20 hộ	2029	1.045	950	95	
15	Xây dựng Sân vận động xã Sơn Tây Hạ	C	thôn Xà Ruông	3000m2	2029	8.250	7.500	750	
16	Xây dựng Nhà tập thể thao đa năng	C	thôn Xà Ruông	Khoảng 500m2	2029	4.840	4.400	440	
17	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Bà He	C	thôn Bà He	Khoảng 354m2	2030	1.100	1.000	100	
18	Nâng cấp NSH xóm ông Tư	C	thôn Nước Kia	38 hộ	2030	1.320	1.200	120	
19	Xây dựng khu vui chơi cho trẻ em và người già	C	thôn Xà Ruông	Khoảng 800 m2	2030	2.530	2.300	230	